

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Lương Tuấn

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2018/TLST- HNGĐ ngày 09/7/2018 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1987

Cư trú tại: Khu 06, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1978

Cư trú tại: Thôn 08, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

Chị S và anh T đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Hoàng Thị S trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu T kết hôn năm 2009 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã H, huyện Đ. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh T tại xã H. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không quan tâm đến gia đình, nợ nần nhiều người. Từ năm 2010 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã C, huyện T ở, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất căng thẳng trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử, bị đơn là anh Nguyễn Hữu T xác nhận về thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng

chung sống. Tuy anh xác định từ năm 2010 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau, anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng, nhưng anh vẫn còn thương yêu chị S, mong muốn chị S quay về đoàn tụ, do vậy chị S xin ly hôn anh không nhất trí.

- Về con chung: Chị S và anh T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Long N, sinh ngày 07/02/2010, hiện đang ở với anh T. Sau khi ly hôn chị S và anh T thỏa thuận, anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị S và anh T đều xác định không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định:

- + Hoạt động tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng trong việc thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết và xét xử đối với vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- + Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận, anh Nguyễn Hữu T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Long N, S ngày 07/02/2010. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị S và anh T đều xác định không có nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị S phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị S và anh Nguyễn Hữu T kết hôn với nhau năm 2009, trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã H, huyện Đ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai bên chỉ hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát S mâu thuẫn. Từ năm 2010 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không có trách nhiệm với nhau nữa. Tuy đến nay anh T không nhất trí ly hôn, nhưng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Qua xác minh tại chính quyền địa phương xã H cũng xác định, từ năm 2010 đến nay chị S và anh T đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T đã căng thẳng, trầm trọng, kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững không đạt được. Do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

[2]. Về con chung: Chị S và anh T có 01 con chung là Nguyễn Long N, sinh ngày 07/02/2010, hiện đang ở với anh T. Sau khi ly hôn chị S và anh T thỏa thuận, anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Xét thỏa thuận của chị S và anh T là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N, do vậy cần chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị S phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị S và anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận, anh Nguyễn Hữu T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Long N, sinh ngày 07/02/2010. Chị Hoàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Không có

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị S phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số AA/2017/0002840 ngày 09/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị Hoàng Thị S đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị S và anh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Vũ Thường